

Số: 14/2021/QĐST-HNGĐ

Hương Thủy, ngày 05 tháng 04 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG THỦY- TỈNH THỪA THIÊN HUẾ.

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 58, các Điều 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 35/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2021 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Nguyễn Phước T, sinh năm 1986; Địa chỉ: Thôn CC, xã TB, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Chị Huỳnh Thị Phương TH, sinh năm: 1989; Địa chỉ: Tổ 02, khu vực 01, phường TX, Thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 03 năm 2021.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Anh Nguyễn Phước T và chị Huỳnh Thị Phương TH đăng ký hôn vào ngày 08/10/2019 tại Ủy ban nhân dân xã TB, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế trên cơ sở tự nguyện nên quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Phước T và chị Huỳnh Thị Phương TH là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, cuộc sống chung của vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn được.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Nguyễn Phước T và chị Huỳnh Thị Phương TH đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, việc thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Phước T và chị Huỳnh Thị Phương TH là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Phước T và chị Huỳnh Thị Phương TH.

[2]. Về con chung và việc nuôi con: Anh Nguyễn Phước T và chị Huỳnh Thị Phương TH công nhận vợ chồng có 01 người con chung là cháu Nguyễn Phước Anh M, sinh ngày 17/12/2019. Hai bên thỏa thuận giao cho chị Huỳnh Thị Phương TH được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phước Anh M, anh Nguyễn Phước T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 triệu đồng (Hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày Quyết định có hiệu lực đến khi cháu Nguyễn Phước Anh M trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản chung: Vợ chồng anh Nguyễn Phước T và chị Huỳnh Thị Phương TH tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung.

[4] Về nợ chung: Vợ chồng anh Nguyễn Phước T và chị Huỳnh Thị Phương TH xác định không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Anh Nguyễn Phước T và chị Huỳnh Thị Phương TH thuận tình ly hôn.

- **Về con chung và việc nuôi con:** Anh Nguyễn Phước T và chị Huỳnh Thị Phương TH công nhận vợ chồng có 01 người con chung là cháu Nguyễn Phước Anh M, sinh ngày 17/12/2019. Hai bên thỏa thuận giao cho chị Huỳnh Thị Phương TH được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phước Anh M, anh Nguyễn Phước T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 triệu đồng (Hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày Quyết định có hiệu lực đến khi cháu Nguyễn Phước Anh M trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày chị Huỳnh Thị Phương TH có đơn yêu cầu thi hành án, anh Nguyễn Phước T không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ khoản tiền cấp dưỡng nuôi con định kỳ thì phải chịu khoản tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chưa

thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- **Về tài sản chung:** Anh Nguyễn Phước T và chị Huỳnh Thị Phương TH không yêu cầu nên Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung:** Anh Nguyễn Phước T và chị Huỳnh Thị Phương TH xác định vợ chồng không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: là 300.000 đồng, anh Nguyễn Phước T và chị Huỳnh Thị Phương TH mỗi người phải chịu lệ phí ly hôn sơ thẩm là: 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí là 150.000 đồng mà anh Nguyễn Phước T đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001298 ngày 16/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế và số tiền tạm ứng lệ phí là 150.000 đồng mà chị Huỳnh Thị Phương TH đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001299 ngày 16/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh TT Huế;
- VKSND thị xã Hương Thủy;
- Chi cục THADS thị xã Hương Thủy;
- UBND xã TB (ĐKKH ngày 08/10/2019);
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

THẨM PHÁN

Mai Văn Phú